ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 392/QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 14 tháng 02 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục các nhiệm vụ, đề án, chương trình, Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá Phát triển bền vững thành phố Cần Thơ giai đoạn 2013-2015 tại Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2013-2015 của thành phố Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Số: 387
Ngày: 18/02/14

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về Phát triển bền vững giai đoạn 2013 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững địa phương giai đoạn 2013-2020;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục các nhiệm vụ, đề án, chương trình triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về Phát triển bền vững giai đoạn 2013-2015 ban hành kèm theo Quyết định số 160/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Danh mục các nhiệm vụ, đề án, chương trình, Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá Phát triển bền vững thành phố Cần Thơ giai đoạn 2013-2015 tại Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2013-2015 của thành phố Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố (đính kèm Phụ lục I và Phụ lục II).

Điều 2. Các nội dung khác của Danh mục các nhiệm vụ, đề án, chương trình Kế hoạch triển khai thực hiện hành động quốc gia về Phát triển bền vững giai đoạn 2013-2015 của thành phố Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- UBMTTQ VN và các đoàn thể TP;
- VP UBND thành phố (2,3);
- Lưu: VT, Hồng

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Thành Thống

Phụ lục I

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục các nhiệm vụ, đề án, chương trình triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển bền vững giai đoạn 2013-2015 của thành phố Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

(Ban hành theo Quyết định số: 392/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời hạn
Bổ sung mục 2.5, 2.6 của phần II Danh mục các nhiệm vụ, đề án, chương trình kế hoạch triển khai thực hiện hành động quốc gia về Phát triển bền vững giai đoạn 2013-2015 của thành phố Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 3616/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:				
II. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững				
2.5	Triển khai Chương trình truyền thông về Phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đến năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ, Liên đoàn Lao động thành phố, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Cần Thơ, Đài Phát thanh và Truyền hình thành phố Cần Thơ, Báo Cần Thơ; Các Sở, ngành, quận, huyện có liên quan; Các doanh nghiệp thông tin và truyền thông.	2013-2015

2.6	Tăng cường việc tổ chức tuyên truyền, giáo dục về Phát triển bền vững trong hệ thống giáo dục quốc dân	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân quận, huyện, các Trường đại học và cao đẳng trên địa bàn thành phố.	2013 - 2015
Sửa đổi mục 4.1 và bổ sung mục 4.6 phần IV như sau:				
IV. Tăng cường giám sát, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững				
4.1	Xây dựng, đề xuất các chỉ tiêu phấn đấu, giám sát, đánh giá phát triển bền vững ngành, lĩnh vực của địa phương	Các Sở, ban ngành thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2013-2014
4.6	Triển khai hệ thống giám sát, đánh giá thực hiện Phát triển bền vững do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành, quận huyện có liên quan	2013-2015
Bổ sung mục 5.5, 5.6 của phần V như sau:				
V. Xây dựng và triển khai các mô hình, sáng kiến phát triển bền vững				
5.5	Triển khai thực hiện các mô hình Phát triển bền vững cộng đồng do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ngành, quận huyện có liên quan	2013-2015
5.6	Xây dựng và thực hiện các mô hình phát triển năng lượng sạch	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, quận huyện có liên quan	2013-2015

5.7	Triển khai thực hiện các mô hình đô thị sinh thái và làng sinh thái do Bộ Xây dựng chủ trì	Sở xây dựng	Các Sở, ngành, quận huyện có liên quan	2013-2015
Bổ sung mục 6.7, 6.8 của phần VI như sau:				
VI. Từng bước thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh				
6.7	Triển khai thực hiện tính toán chỉ tiêu GDP xanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì	Cục thống kê thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Các Sở ngành, quận huyện	2013-2015
6.8	Nghiên cứu thực hiện phát triển việc làm "xanh" (việc làm bền vững)	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các Sở ngành, quận huyện có liên quan	2013-2015
Bổ sung mục 10.3 của phần X như sau:				
X. Tăng cường vai trò và tác động của khoa học và công nghệ trong thực hiện phát triển bền vững				
10.3	Triển khai thực hiện Chương trình tăng cường năng lực KHCN cho các tổ chức KHCN ngoài nhà nước nhằm phục vụ phát triển bền vững.	Liên Hiệp các hội khoa học và Kỹ thuật thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, các Viện, trường có liên quan	2013-2015

Phụ lục II
Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững thành phố Cần Thơ giai đoạn 2013 - 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 392 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ công bố	Lộ trình	Cơ quan chịu trách nhiệm
I. CÁC CHỈ TIÊU CHUNG (29 CHỈ TIÊU)					
1. CHỈ TIÊU TỔNG HỢP: 01 CHỈ TIÊU					
1.1	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0 ≤ Hệ số ≤ 1	3 - 5 năm	2015	Cục Thống kê
2. LĨNH VỰC KINH TẾ: 08 CHỈ TIÊU					
2.1	Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với tổng sản phẩm trên địa bàn	%	Năm	2014	Cục Thống kê
2.2	Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR)	Hệ số	05 năm	2014	Cục Thống kê
2.3	Năng suất lao động xã hội	Triệu đồng/lao động	Năm	2014	Cục Thống kê
2.4	Tỷ lệ thu ngân sách so với chi ngân sách trên địa bàn	%	Năm	2014	Cục Thống kê
2.5	Diện tích lúa được bảo vệ và duy trì (theo Nghị quyết của Chính phủ)	Nghìn ha	Năm	2014	-Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. -Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thống kê.
2.6	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng chung*	%	3 - 5 năm	2015	Cục Thống kê
2.7	Mức giảm tiêu hao năng			2015	-Chủ trì: Sở Công

* Chỉ tiêu khuyến khích sử dụng

	lượng để sản xuất ra một đơn vị tổng sản phẩm trên địa bàn*	%	Năm		Thương. -Phối hợp: Cục Thống kê.
2.8	Tỷ lệ thu ngân sách so với chi ngân sách trên địa bàn	%	Năm	2014	-Chủ trì: Sở Tài chính. -Phối hợp: Cục Thống kê, Cục thuế thành phố, Kho bạc nhà nước
3. LĨNH VỰC XÃ HỘI: 11 CHỈ TIÊU					
3.1	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Năm	2014	-Chủ trì: Cục Thống kê. -Phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
3.2	Tỷ lệ thất nghiệp	%	Năm	2014	-Chủ trì: Cục Thống kê. -Phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
3.3	Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo	%	Năm	2014	-Chủ trì: Cục Thống kê. -Phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
3.4	Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (Hệ số Gini)	$0 \leq$ Hệ số ≤ 1	Năm	2015	Cục Thống kê
3.5	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Trai/100 gái	Năm	2014	-Chủ trì: Cục Thống kê -Phối hợp: Sở Y tế
3.6	Tỷ lệ người dân đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế	%	Năm	2014	-Chủ trì: Bảo hiểm xã hội thành phố -Phối hợp: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
3.7	Tỷ lệ chi ngân sách địa	%	Năm	2014	-Chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và

	phương cho hoạt động văn hóa, thể thao				Du lịch. -Phối hợp: Sở Tài chính, Cục Thống kê, Kho bạc Nhà nước Cần Thơ.
3.8	Tỷ lệ xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới	%	Năm	2014	-Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. -Phối hợp: Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình nông thôn mới thành phố.
3.9	Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi	$^0/_{00}$	Năm	2014	-Chủ trì: Cục Thống kê -Phối hợp: Sở Y tế
3.10	Số người chết do tại nạn giao thông	Người/100.000 dân/năm	Năm	2014	- Công an thành phố. -Ban An toàn giao thông thành phố
3.11	Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông đúng độ tuổi	%	Năm	2014	-Chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo. -Phối hợp: Cục Thống kê
4. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG: 9 CHỈ TIÊU					
4.1	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	%	2 năm	2014	-Chủ trì: Cục Thống kê -Phối hợp: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4.2	Tỷ lệ diện tích đất được bảo vệ, duy trì đa dạng sinh học	%	Năm	2014	Sở Tài nguyên và Môi trường
4.3	Diện tích đất bị thoái hóa	ha	2 năm	2015	-Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường -Phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

4.4	Tỷ lệ các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường	%	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Xây dựng - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Công thương, Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ.
4.5	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Năm	2014	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4.6	Tỷ lệ chất thải rắn thu gom, đã xử lý	%	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Xây dựng - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Y tế; Sở Công Thương.
4.7	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Vụ, triệu đồng	Năm	2014	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4.8	Tỷ lệ các dự án khai thác khoán sản được phục hồi về môi trường*	%	Năm	2015	Sở Tài nguyên và Môi trường.
4.9	Số dự án xây dựng theo cơ chế phát triển sạch – CDM*	Dự án	Năm	2015	- Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường. - Phối hợp: Cục Thống kê.
II. CÁC CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ VÙNG: 12 CHỈ TIÊU					
1. VÙNG ĐỒNG BẰNG: 02 CHỈ TIÊU					
1.1	Tỷ lệ diện tích gieo trồng cây hàng năm được tưới, tiêu	%	Năm	2014	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
1.2	Tỷ lệ diện tích đất ngập nước vùng đồng bằng	%	Năm	2015	- Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi

* Chỉ tiêu khuyến khích sử dụng

	được bảo vệ và duy trì đa dạng sinh học*				trường. - Phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2. ĐÔ THỊ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG: 05 CHỈ TIÊU					
2.1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m^2	02 năm	2014	- Chủ trì: Cục Thống kê - Phối hợp: Sở Xây dựng
2.2	Mức giảm lượng nước ngầm, nước mặt	m^3/người/năm	02 năm	2014	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.3	Tỷ lệ chi ngân sách cho duy tu, bảo dưỡng các di tích lịch sử và các điểm du lịch*	%	Năm	2015	- Chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Phối hợp: Sở Tài chính.
2.4	Diện tích đất cây xanh đô thị bình quân đầu người*	m^2/người	Năm	2015	- Sở Xây dựng.
2.5	Tỷ lệ ngày có nồng độ các chất độc hại trong không khí vượt quá tiêu chuẩn cho phép*	%	Năm	2015	- Sở Tài nguyên và Môi trường.
3. NÔNG THÔN: 05 CHỈ TIÊU					
3.1	Giá sản phẩm thu hoạch trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng	Năm	2014	- Chủ trì: Cục Thống kê. - Phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3.2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	Năm	2014	- Chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Phối hợp: Cục Thống kê.
					- Chủ trì: Sở Xây

* Chỉ tiêu khuyến khích sử dụng

3.3	Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom và xử lý	%	Năm	2014	dựng. - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3.4	Lượng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật bình quân 1ha đất canh tác*	kg/ha	Năm	2015	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3.5	Tỷ lệ chất thải rắn làng nghề được thu gom, xử lý*	%	Năm	2015	- Chủ trì: Sở Xây dựng. - Phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

* Chỉ tiêu khuyến khích sử dụng